

TỔNG QUAN

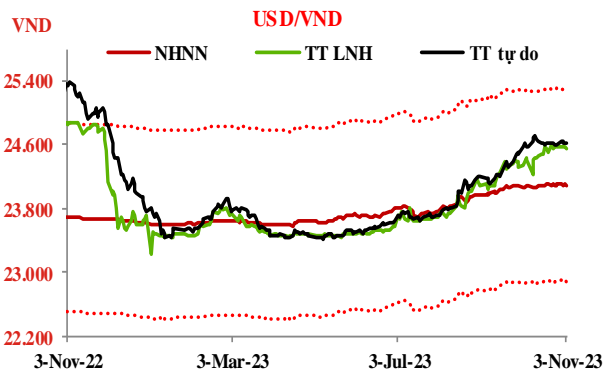
Ngày 04/11, Thủ tướng Phạm Minh Chính chủ trì phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 10/2023, nhận định, KTXH tháng 10 và 10 tháng năm 2023 tiếp tục xu hướng phục hồi tích cực.

Về tình hình kinh tế - xã hội tháng 10 và 10 tháng năm 2023, phiên họp thống nhất đánh giá, trong bối cảnh quốc tế, trong nước rất khó khăn, kinh tế nước ta tiếp tục xu hướng tích cực trên nhiều lĩnh vực, duy trì đà "tháng sau tốt hơn tháng trước, quý sau tốt hơn quý trước", cơ bản đạt được mục tiêu tổng quát đề ra, với nhiều điểm nổi bật. Kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định, lạm phát được kiểm soát, tăng trưởng được thúc đẩy, các cân đối lớn được bảo đảm. CPI bình quân 10 tháng tăng 3,2%, thấp hơn nhiều mục tiêu đề ra (khoảng 4,5%), tạo dư địa cho các CSTT, CSTK thúc đẩy tổng cầu và tăng trưởng kinh tế, cũng như các chính sách điều chỉnh giá khác. Thị trường tiền tệ, tỉ giá cơ bản ổn định; mặt bằng lãi suất tiếp tục xu hướng giảm (giảm khoảng 2% so cuối năm 2022); đồng tiền Việt Nam mất giá ít nhất so với khu vực. Công nghiệp tiếp tục đà phục hồi; chỉ số sản xuất công nghiệp IIP tháng 10 tăng 5,5% so tháng 9 và tăng 4,1% so cùng kỳ, trong đó ngành chế biến chế tạo tăng 4,9%; 10 tháng tăng 0,5%. Thương mại, dịch vụ tiếp tục tăng khá; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tháng 10 tăng 1,5% so tháng 9 và tăng 7% so cùng kỳ; 10 tháng tăng 9,4%. Xuất nhập khẩu tiếp tục đà tăng trở lại. Trong tháng 10, XK tăng 5,9% m/m, trong đó khu vực kinh tế trong nước tăng mạnh 15,1%, khu vực có vốn ĐTNN tăng 3% so với cùng kỳ; NK tăng 5,2%, trong đó khu vực kinh tế trong nước tăng 8,5%; khu vực có vốn ĐTNN tăng 3,5%; xuất siêu 3 tỷ USD. Tính chung 10 tháng, XK đạt 291,28 tỷ USD, NK đạt 266,67 tỷ USD; xuất siêu trên 24,6 tỷ USD. Thu NSNN 10 tháng đạt gần 1,4 triệu tỷ đồng, bằng 86,3% dự toán, trong khi miễn, giảm, gia hạn 163,8 nghìn tỷ đồng (trong đó, miễn, giảm khoảng 57,3 nghìn tỷ đồng). Nợ công, nợ chính phủ, bội chi NSNN được kiểm soát tốt. ĐTPT tiếp tục đạt kết quả tích cực, là một động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Giải ngân vốn đầu tư công 10 tháng đạt gần 401,9 nghìn tỷ đồng, bằng 56,74% kế hoạch, tăng 5,5% và số tuyệt đối khoảng 104 nghìn tỷ đồng so với cùng kỳ. Tổng vốn FDI đăng ký đạt hơn 25,76 tỷ USD, tăng 14,7% so với cùng kỳ (trong đó vốn đăng ký cấp mới đạt 15,29 tỷ USD, tăng 66,1%; vốn đăng ký điều chỉnh đạt 5,33 tỷ USD, giảm 39% và vốn góp, mua cổ phần đạt 5,13 tỷ USD, tăng 35,4%). Tổng vốn FDI thực hiện 10 tháng đạt 18 tỷ USD, tăng 2,4% (tăng dần qua hàng tháng: 5 tháng giảm 0,8%, 6 tháng tăng 0,5%; 7 tháng tăng 0,8%, 8 tháng tăng 1,3%, 9 tháng tăng 2,2%). Tình hình phát triển doanh nghiệp ngày càng tích cực hơn, tháng 10 có trên 15,4 nghìn DN thành lập mới và 5,6 nghìn DN quay trở lại hoạt động, tăng lần lượt 18,5% và 44,2% so với cùng kỳ. Tính chung 10 tháng có 183,6 nghìn DN gia nhập và tái gia nhập thị trường, lớn hơn số DN rút lui khỏi thị trường là 146,6 nghìn DN.

Về tồn tại, hạn chế, khó khăn, thách thức, Chính phủ chỉ ra: rủi ro lạm phát còn cao; thu NSNN 10 tháng giảm so với cùng kỳ; tăng trưởng tín dụng chưa đáp ứng yêu cầu; các gói TD triển khai còn hạn chế; nợ xấu có xu hướng gia tăng; điều hành CSTT tiếp tục gặp khó khăn trong bối cảnh nhiều nước tiếp tục duy trì CSTT thắt chặt; cầu trên các thị trường lớn, truyền thống suy giảm; SXCN phục hồi chậm; SXKD, hoạt động của DN còn gặp khó khăn.

Về phương hướng, nhiệm vụ thời gian tới, Thủ tướng Chính phủ nêu rõ yêu cầu tiếp tục giữ vững mục tiêu tổng quát đề ra. Đó là, ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng, đảm bảo các cân đối lớn; kiểm soát tốt nợ công, nợ chính phủ, bội chi... Đề cập đến các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các bộ, ngành và địa phương thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm sau: thúc đẩy các động lực tăng trưởng về ĐT, XK, tiêu dùng; đẩy mạnh giải ngân, nâng cao hiệu quả vốn đầu tư từ khu vực Nhà nước, có các giải pháp đột phá, tạo thuận lợi thu hút các nguồn lực ĐT của toàn xã hội (ĐT tư nhân, ĐT nước ngoài và hợp tác công tư), trong đó đẩy mạnh thu hút FDI có chọn lọc, có quy mô lớn, công nghệ cao; tiếp tục thực hiện CSTT chủ động, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả, phối hợp đồng bộ, chặt chẽ, hài hòa với điều hành CSTK mở rộng hợp lý, có trọng tâm, trọng điểm và các chính sách khác; thúc đẩy giải ngân vốn ĐTC, Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, 3 chương trình mục tiêu quốc gia; đẩy nhanh tiến độ phê duyệt quy hoạch, phân đấu giải ngân ít nhất 95% kế hoạch vốn năm 2023; tích cực phục hồi, phát triển các thị trường TPDN, BDS; khẩn trương rà soát, đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 08 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung và ngưng hiệu lực thi hành một số điều tại các nghị định quy định về chào bán, giao dịch TPDN riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán TPDN ra thị trường quốc tế...

• **Thị trường ngoại tệ**



Trong tuần từ 30/10 – 03/11, tỷ giá trung tâm được NHNN điều chỉnh theo xu hướng giảm. Chốt ngày 03/11, tỷ giá trung tâm được niêm yết ở mức 24.084 VND/USD, giảm 15 đồng so với phiên cuối tuần trước đó. NHNN tiếp tục niêm yết tỷ giá mua giao ngay ở mức 23.400 VND/USD. Tỷ giá bán giao ngay phiên cuối tuần được niêm yết ở mức 25.238 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với trần tỷ giá.

Tỷ giá LNH tiếp tục tăng - giảm luân phiên trong tuần qua. Kết thúc phiên 03/11, tỷ giá LNH đóng cửa tại 24.535 VND/USD, giảm 40 đồng so với phiên cuối tuần trước đó.

Tỷ giá trên thị trường tự do vẫn ít biến động trong tuần qua. Chốt phiên 03/11, tỷ giá tự do đi ngang ở chiều mua vào trong khi giảm 30 đồng ở chiều bán ra so với phiên cuối tuần trước đó, giao dịch tại 24.550 VND/USD và 24.600 VND/USD.

• **Thị trường tiền tệ liên ngân hàng**

Kỳ hạn	Lãi suất LNH				Trái phiếu		
	VND	W/W	USD	W/W	Kỳ hạn	Lợi suất	W/W
ON	1.00	-0.36	5.03	-0.07	3Y	1.79	0.009
1W	1.32	-0.36	5.13	-0.08	5Y	1.75	-0.002
2W	1.60	-0.34	5.24	-0.07	7Y	2.56	-0.099
1M	2.22	-0.38	5.34	-0.06	10Y	2.79	-0.103
2M	3.22	0.10	5.44	-0.05	15Y	3.05	-0.069
3M	3.54	0.12	5.55	-0.04			
6M	4.78	-0.14	5.61	-0.03			
9M	5.88	-0.05	5.70	-0.05			
1Y	6.18	0.00	5.77	0.02			

Tuần từ 30/10 – 03/11, lãi suất VND LNH giảm ở tất cả các kỳ hạn từ 1M trở xuống. Chốt ngày 03/11, lãi suất VND LNH giao dịch quanh mức: ON 1,0% (-0,36 đpt); 1W 1,32% (-0,36 đpt); 2W 1,60% (-0,34 đpt); 1M 2,22% (-0,38 đpt).

Lãi suất USD LNH biến động theo xu hướng giảm ở tất cả các kỳ hạn. Phiên cuối tuần 03/11, lãi suất USD LNH đóng cửa ở mức: ON 5,03% (-0,07 đpt); 1W 5,13% (-0,08 đpt); 2W 5,24% (-0,07 đpt) và 1M 5,34% (-0,06 đpt).

• **Thị trường mở**

Tổng hợp GD cầm cố và mua bán TP/NHNN từ 30/10 đến 03/11/2023

Đơn vị: Tỷ đồng	KL chào thầu	KL trúng thầu	KL đáo hạn	Ròng	KL lưu hành
Nghị vụ cầm cố	5,000	-	-	-	0,00
Nghị vụ mua bán tín phiếu NHNN	0	56,750,00	46,899,80	9,850,20	203,199,20
Tổng cộng				9,850,20	

Trên thị trường mở tuần từ 30/10 – 03/11, trên kênh cầm cố, NHNN chào thầu ở kỳ hạn 7 ngày với khối lượng là 5.000 tỷ VND, lãi suất ở mức 4,0%. Không có khối lượng trúng thầu, không có khối lượng lưu hành trên kênh cầm cố.

NHNN tiếp tục chào thầu tín phiếu NHNN với kỳ hạn 28 ngày, đấu thầu lãi suất. Có 56.750 tỷ đồng tín phiếu trúng thầu, lãi suất ở mức 1,50% (+0,05 đpt so với cuối tuần trước đó). Có 46.899,8 tỷ đồng tín phiếu đáo hạn. Như vậy, NHNN hút ròng 9.850,2 tỷ đồng từ thị trường, đưa khối lượng tín phiếu lưu hành trên thị trường tăng lên mức 203.199,2 tỷ đồng.

• **Thị trường trái phiếu chính phủ:**

Giao dịch trên thị trường sơ cấp:

Ngày 01/11, KBNN chào thầu 5.000 tỷ đồng TPCP, khối lượng trúng thầu là 3.850 tỷ đồng, tương đương 77%. Trong đó, kỳ hạn 5Y huy động được 350 tỷ đồng/1.500 tỷ đồng chào thầu; kỳ hạn 10Y huy động được toàn bộ 2.000 tỷ đồng chào thầu và kỳ hạn 15Y huy động được toàn bộ 1.500 tỷ đồng chào thầu. Lãi suất trúng thầu các kỳ hạn lần lượt tại 5Y 1,64% (-0,01 đpt), 10Y 2,45% (+0,05 đpt), 15Y 2,68% (+0,05 đpt).

Ngày 03/11, Ngân hàng CSXH chào thầu 1.500 tỷ đồng TPCPBL, khối lượng trúng thầu là 500 tỷ đồng, tương đương 33%. Trong đó, kỳ hạn 5Y huy động được toàn bộ 500 tỷ chào thầu với lãi suất 2,5% (không đổi so với tuần trước). Kỳ hạn 10Y và 15Y gọi thầu 500 tỷ đồng mỗi kỳ hạn, tuy nhiên, không có khối lượng trúng thầu ở cả hai kỳ hạn này.

Trong tuần này, ngày 08/11, KBNN chào thầu 3.500 tỷ đồng TPCP, trong đó kỳ hạn 5Y và 20Y chào thầu 500 tỷ mỗi kỳ hạn, kỳ hạn 10Y chào thầu 1.000 tỷ và 15Y chào thầu 1.500 tỷ đồng.

Thị trường TPCP sơ cấp

Đơn vị: tỷ đồng

TCPH	Ngày DT	Kỳ hạn	KL gọi thầu	KL trúng thầu	LS trúng thầu	Thay đổi	Tỷ lệ trúng thầu	Tỷ lệ đặt thầu	Số TV tham gia
MOF	1-Nov-23	5	1500	350	1.64%	-0.01%	23%	0.63	3.00
MOF	1-Nov-23	10	2000	2000	2.45%	0.05%	100%	1.85	10.00
MOF	1-Nov-23	15	1500	1500	2.68%	0.05%	100%	1.43	4.00
VBSP	3-Nov-23	5	500	500	2.50%	0.00%	100%	1.00	1.00
VBSP	3-Nov-23	10	500	0	0.00%	0.00%	0%	0.00	0.00
VBSP	3-Nov-23	15	500	0	0.00%	0.00%	0%	0.00	0.00
Tổng			6500	4350			67%	1.12	

Giao dịch trên thị trường thứ cấp: Giá trị giao dịch Outright và Repos trên thị trường thứ cấp tuần qua đạt trung bình 5.663 tỷ đồng/phiên, tăng nhẹ từ mức 4.949 tỷ đồng/phiên của tuần trước đó.

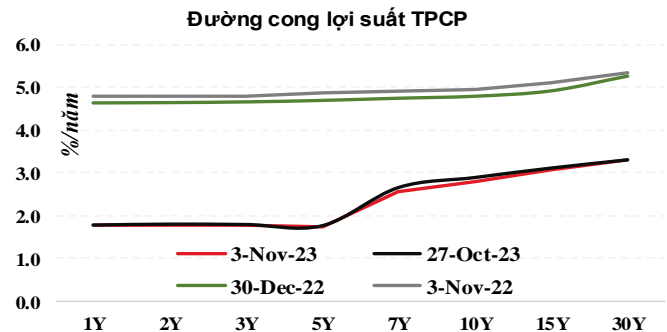
Thống kê giao dịch Outright						Thống kê giao dịch Repos					
Ngày	< 2 năm	2 - 5 năm	5 - 10 năm	> 10 năm	Tổng	Ngày	< 31 ngày	31 - 60 ngày	60 - 92 ngày	> 92 ngày	Tổng
31/Oct/23	372	908	1,111	1,308	3,699	30/Oct/23	834	-	-	-	834
1/Nov/23	-	590	912	3,621	5,123	31/Oct/23	339	-	-	-	339
2/Nov/23	-	357	2,566	1,961	4,884	1/Nov/23	609	-	-	-	609
3/Nov/23	-	-	443	5,899	6,342	2/Nov/23	1,380	-	-	-	1,380
					-	3/Nov/23	93	-	-	-	93
Tổng	372	1,854	5,032	12,789	20,048	Tổng	3,256	-	-	-	3,256
+_WoW	144	(311)	(1,052)	3,948	2,729	+_WoW	417				159
% WoW	63%	-14%	-17%	45%	16%	% WoW	15%	-100%			5%
Tỷ trọng	2%	9%	25%	64%	100%	Tỷ trọng	100%	0%	0%	0%	100%

Dvt: Tỷ đồng

Dvt: Tỷ đồng

Lợi suất TPCP trong tuần qua biến động tăng giảm nhẹ đan xen giữa các kỳ hạn. Chốt phiên 03/11, lợi suất TPCP giao dịch quanh 1Y 1,77% (+0,005 đpt); 2Y 1,78% (-0,005 đpt); 3Y 1,79% (+0,01 đpt); 5Y 1,75% (-0,002 đpt); 7Y 2,56% (-0,10 đpt); 10Y 2,79% (-0,1 đpt); 15Y 3,05% (-0,07 đpt); 30Y 3,28% (-0,03 đpt).

Diễn biến lợi suất trên thị trường thứ cấp								
%/năm	1Y	2Y	3Y	5Y	7Y	10Y	15Y	30Y
3-Nov-23	1.77	1.78	1.79	1.75	2.56	2.79	3.05	3.28
So WoW	0.005	-0.005	0.01	-0.002	-0.10	-0.10	-0.07	-0.03
So YoY	-3.00	-2.99	-2.99	-3.11	-2.37	-2.17	-2.06	-2.04
So YTD	-2.87	-2.87	-2.88	-2.95	-2.19	-2.01	-1.87	-1.97



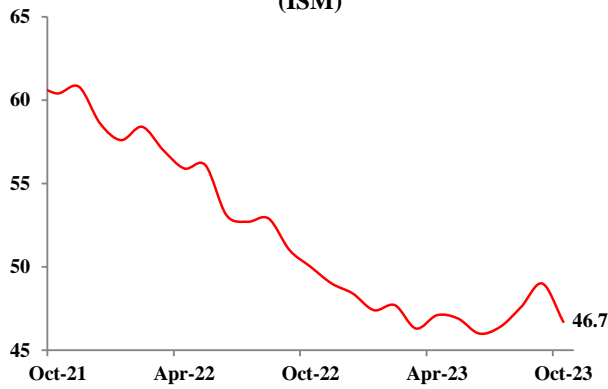
• Thị trường chứng khoán

	03/11/23	VN-Index	HNX-Index	Upcom
Điểm		1076.78	217.75	84.16
thay đổi so với tuần trước		1.52%	-0.13%	1.28%
thay đổi so với đầu năm		6.92%	6.06%	17.46%
KLGD/phiên (tr.đ.v)		699.48	93.98	0.03
thay đổi so với tuần trước		-0.46%	38.93%	-99.97%
GTGD/phiên (tỷ đ)		13624.52	1614.54	0.0005
thay đổi so với tuần trước		-34.06%	-9.75%	-68.61%
ĐTNN mua/bán ròng (tỷ đ)		(886.75)	415.86	(0.003)

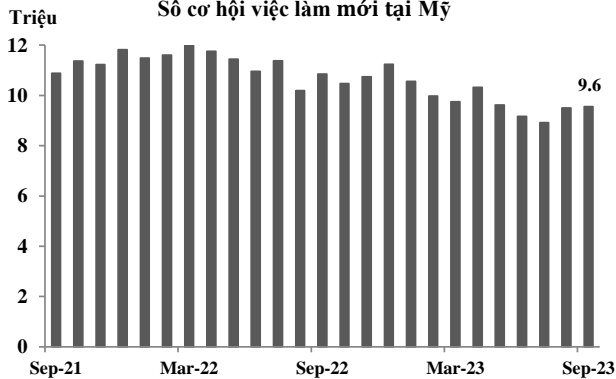
Tuần từ 30/10 – 03/11, thị trường chứng khoán giảm điểm mạnh 2 phiên đầu tuần nhưng phục hồi tích cực 3 phiên cuối. Chốt phiên 03/11, VN-Index đứng ở mức 1.076,78 điểm, tăng 16,16 điểm (+1,52%) so với cuối tuần trước đó; HNX-Index mất 0,29 điểm (-0,13%) về 217,75 điểm; UPCOM-Index thêm 1,06 điểm (+1,28%) lên 84,16 điểm.

Thanh khoản thị trường ở mức thấp với giá trị giao dịch trung bình trên 15.200 tỷ đồng/phiên, giảm nhẹ so với mức khoảng 15.800 tỷ đồng/phiên của tuần trước đó. Khối ngoại tiếp tục bán ròng hơn 470 tỷ đồng trên cả 3 sàn.

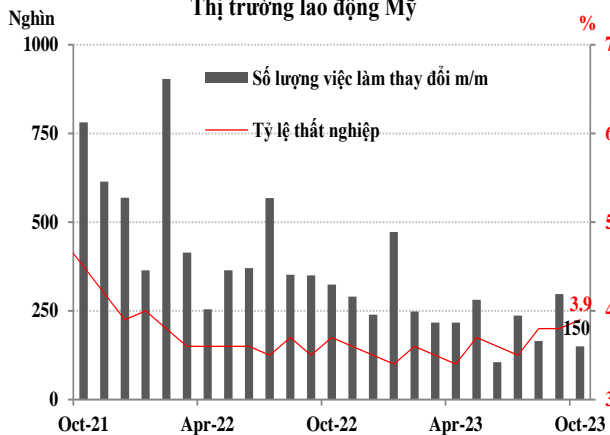
PMI lĩnh vực sản xuất Mỹ (ISM)



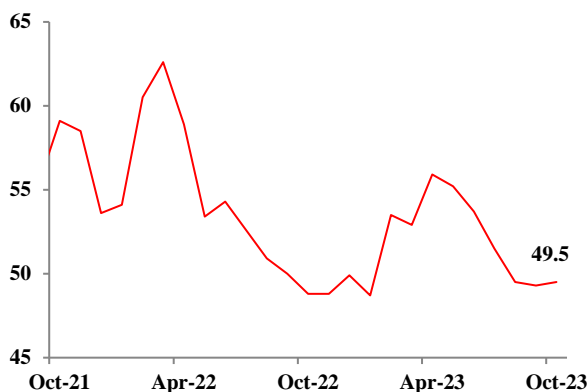
Số cơ hội việc làm mới tại Mỹ



Thị trường lao động Mỹ



PMI lĩnh vực dịch vụ Anh



Fed không thay đổi LSCS trong cuộc họp đầu tháng 11, bên cạnh đó nước Mỹ cũng ghi nhận một số thông tin kinh tế đáng chú ý. Trong cuộc họp ngày 01/11, Ủy ban CSTT Liên bang FOMC (thuộc Fed) nhận định kinh tế Mỹ tăng trưởng mạnh trong quý 3 vừa qua, thị trường lao động vẫn mạnh mẽ với tỷ lệ thất nghiệp đang được duy trì ở mức thấp, lạm phát vẫn ở mức cao. Bên cạnh đó, FOMC cho rằng sự thắt chặt điều kiện tín dụng cho các hộ tiêu dùng và doanh nghiệp dường như đang tác động lên hoạt động kinh tế cũng như lạm phát, và mức độ tác động vẫn chưa rõ ràng. Cơ quan này khẳng định tập trung cao độ vào rủi ro lạm phát, nhằm đưa PCE lõi về mức 2,0% trong dài hạn. Theo đó, FOMC quyết định duy trì LSCS ở mức 5,25% - 5,50%, là kỳ họp thứ 2 ngừng tăng lãi suất sau khi đã tăng 11 lần liên tiếp trước đó. FOMC sẽ tiếp tục quan sát các dữ liệu kinh tế và sẵn sàng điều chỉnh quan điểm CSTT cho phù hợp, nếu rủi ro xuất hiện có thể cản trở quá trình đạt được mục tiêu. Liên quan đến kinh tế Mỹ, Viện Quản lý cung ứng ISM khảo sát PMI lĩnh vực sản xuất của nước này giảm xuống mức 46,7% trong tháng 10, trái với dự báo đi ngang ở mức 49,0% như tháng trước đó. Tiếp theo, Conference Board khảo sát cho biết chỉ số niềm tin tiêu dùng tại Mỹ ở mức 102,6 điểm trong tháng 10, giảm nhẹ từ mức 104,3 điểm của tháng trước đó song vẫn cao hơn so với mức 100,5 điểm theo dự báo. Về thị trường lao động, nước Mỹ tạo ra 9,55 triệu cơ hội việc làm trong tháng 9, tăng nhẹ so với mức 9,50 triệu của tháng 8 và đồng thời cao hơn so với mức 9,34 triệu theo dự báo. Trong tháng 10, nước Mỹ tạo ra 150 nghìn việc làm phi nông nghiệp mới, thấp hơn nhiều so với mức 297 nghìn của tháng trước đó và đồng thời thấp hơn mức 178 nghìn theo dự báo. Tỷ lệ thất nghiệp tại Mỹ tháng 10 ở mức 3,9%, tăng nhẹ lên từ mức 3,8% của tháng 9. Cuối cùng, mức lương cơ bản theo giờ của người lao động tăng 0,2% m/m trong tháng vừa qua, thấp hơn kết quả của tháng 9 và cũng là kỳ vọng của các chuyên gia ở mức tăng 0,3%.

NHTW Anh BOE giữ nguyên LSCS, dự báo lạm phát sẽ giảm chậm.

Trong cuộc họp ngày 02/11, BOE nhận định GDP của nước Anh trong Q3/2023 yếu hơn so với những gì mà cơ quan này kỳ vọng trong tháng 8. Một số cuộc khảo sát cho thấy sản lượng kinh tế sẽ tiếp tục giảm nhẹ trong quý cuối năm. Lạm phát tại Anh đã hạ nhiệt xuống mức 6,7% trong tháng 9, tích cực hơn so với dự báo ở tháng 8, được BOE dự báo sẽ tiếp tục giảm tốc còn 4,75% trong Q4/2023, 4,5% trong Q1/2024 và 3,75% trong Q2/2024. BOE khẳng định mục tiêu đưa lạm phát xuống còn 2,0%, đồng thời hỗ trợ tăng trưởng kinh tế cùng thị trường lao động. Ủy ban CSTT của BOE (MPC) thông qua quyết định giữ LSCS đi ngang ở mức 5,25% với sự đồng thuận của 6/9 thành viên. 3 thành viên còn lại cho rằng cần tăng LSCS thêm 0,25 đcb lên mức 5,50%. MPC dự báo cần duy trì LSCS ở mức hiện tại cho tới Q3/2024, sau đó sẽ cắt giảm dần và xuống còn 4,25% ở cuối năm 2026. Liên quan đến kinh tế Anh, PMI lĩnh vực dịch vụ tại nước này chính thức ở mức 49,5 điểm trong tháng 10, điều chỉnh tăng nhẹ so với mức 49,2 điểm theo khảo sát sơ bộ. Giá nhà tại nước Anh tăng 0,9% m/m trong tháng 10 sau khi tăng 0,1% ở tháng trước đó, trái với dự báo giảm 0,3%.

**DowJones
(Mỹ)**



**34061.32
5.07%**

**DAX
(Đức)**



**15189.25
3.42%**

**Shanghai
(Trung Quốc)**



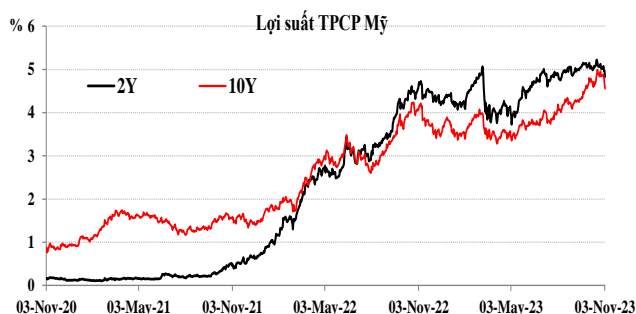
**3030.80
0.43%**

Chứng khoán thế giới tuần qua đồng loạt tăng điểm. Kết thúc phiên 03/11, chỉ số công nghiệp Dow Jones tăng mạnh 5,07% w/w, DAX tăng 3,42% và Shanghai tăng nhẹ 0,43%. Thị trường chứng khoán Mỹ vẫn cho thấy sự lo ngại suy yếu khi Fed đưa ra nhận định không quá điều hòa. Bên cạnh đó, thị trường lao động của nước này cho thấy bớt thắt chặt trong tháng 10 cũng khiến cho các chuyên gia tin rằng Fed không cần tăng LSCS thêm một lần nữa trong năm 2023.

Giá vàng giảm, đóng cửa phiên ngày 03/11 ở mức 1.992,27 USD/oz, tương đương giảm 0,67% w/w. Kim loại quý này chầm dứt chuỗi tăng 3 tuần liên tiếp, bất chấp DXY suy giảm mạnh 1,44% w/w trong tuần vừa qua. Tuy nhiên, nhiều ý kiến cho rằng giá vàng sẽ tiếp tục đi lên trong trung hạn, khi kinh tế gặp nhiều khó khăn và các NHTW lớn chuẩn bị bước sang pha nói lỏng CSTT trở lại.

Giá dầu giảm khá mạnh. Kết thúc phiên ngày thứ Sáu, giá dầu WTI ở mức 80,51 USD/thùng, tương đương giảm 5,88% w/w. Mặt hàng này có tuần giảm thứ hai liên tiếp khi ảnh hưởng từ căng thẳng tại Trung Đông phần nào được xoa dịu. Ngoài ra, thị trường việc làm tại Mỹ nói lỏng hơn cũng khiến giới đầu tư nghi ngờ nhu cầu có thể giảm trong thời gian tới.

	3 Nov 23	Tuần (%)	Đầu năm (%)	Biến động 2022 (%)
USD index	105.02	-1.44%	1.45%	7.87%
USD/CNY	7.30	-0.23%	5.85%	8.58%
USD/EUR	0.93	-1.54%	-0.25%	6.22%
USD/JPY	149.37	-0.15%	13.93%	13.93%
USD/KRW	1308.23	-3.45%	3.75%	6.14%
USD/SGD	1.35	-1.19%	1.05%	-0.68%
USD/TWD	32.10	-1.13%	4.97%	10.34%
USD/THB	35.43	-1.88%	2.37%	4.15%
USD/VND Trung tâm	24084	-0.10%	2.00%	2.02%
USD/VND LNH	24535	-0.16%	4.20%	3.29%
USD/VND tự do	24580	0.12%	3.72%	1.06%
Vàng	1992.27	-0.67%	9.20%	-0.22%
Dầu WTI	80.51	-5.88%	0.31%	6.71%



NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội

ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

Những người thực hiện:

Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm

Email: ninhnh1@msb.com.vn

Nguyễn Trường Giang - CVC Phân tích

Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ email: Research@msb.com.vn